TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-ST
Ngày 10-8-2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Chí Cốt
2. Bà Hoàng Thị Viễn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Cao Bằng tham gia phiên tòa*:* Bà Nông Thị Bích Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Mùi S, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Xóm L, xã N, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm T, xã N, tỉnh Cao Bằng), có mặt.

2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Đặng Mùi S: Ông Bế Văn B - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C, có mặt.

3. Bị đơn: Anh Triệu Tòn Y, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Xóm H, xã T, tỉnh Cao Bằng, vắng mặt (có Đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07-4-2026 và các ý kiến tiếp theo, nguyên đơn Đặng Mùi S trình bày:

Năm 2015 tôi và anh Triệu Tòn Y được tìm hiểu, có quan hệ tình cảm với nhau và có chung 01 (một) con gái. Sau đó, năm 2016 mới tổ chức lễ cưới và đến ngày 02-02-2016 vợ chồng tôi đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng (cũ) theo đúng quy định trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng tôi thời gian đầu hạnh phúc, hoà thuận. Sau đó, tầm cuối năm 2016 cuộc sống hôn nhân hai vợ chồng lâm vào tình trạng rạn nứt, căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn mà thay vào đó là những cuộc cãi vã, to tiếng với nhau, có lần tôi còn bị chồng đánh tại nhà, mẹ chồng nhìn thấy nhưng không ngăn cản và cũng không nói gì. Nguyên nhân là do chồng tôi lười lao động, không phụ giúp hay đi tìm kiếm việc làm để có tiền nuôi con chung. Khi sinh con, bên gia đình chồng không có ai đến chăm sóc, thăm hỏi, động viên bản thân tôi và con gái tôi. Ngoài ra, khi tôi về làm dâu bên nhà chồng không có ai tôn trọng tôi, ngược lại còn bị mẹ chồng chửi và chê tôi là người có thân hình nhỏ bé. Đến năm 2017 tôi và con gái đã về ở với mẹ ruột (là bà Lý Mùi M) đến nay tại xóm L, xã N, tỉnh Cao Bằng. Vợ chồng tôi ly thân từ năm 2017 đến nay đã được 9 năm, từ khi tôi và con gái về nhà mẹ ruột sống, chồng tôi cũng như người nhà bên chồng không ai hỏi thăm, một mình tôi tự nuôi con đã gần 10 năm nay. Tôi xác định đến nay tình cảm tôi dành cho anh Triệu Tòn Y đã không còn, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng không thể kéo dài. Do đó, tôi đề nghị Toà án nhân dân khu vực 4 - Cao Bằng xem xét, giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng tôi là anh Triệu Tòn Y.

Về con chung: Tôi và anh Triệu T Yết có 01 (một) con chung là cháu Triệu Ngọc L, sinh ngày 21-01-2015. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con gái và yêu cầu chồng tôi cấp dưỡng nuôi con đến khi con đủ 18 tuổi với mức 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tôi xác nhận giữa vợ chồng tôi không có tài sản chung. Do đó, tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi và anh Triệu Tòn Y không có nợ chung nên tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai đề ngày 25-6-2026 bị đơn Triệu Tòn Y trình bày:

Tôi và chị Đặng Mùi S tiến đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình vào năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi về chung sống tại nhà mẹ tôi ở xóm H, xã T, tỉnh Cao Bằng. Cuộc sống chung ban đầu hòa hợp, hạnh phúc. Giữa tôi và chị S không có mâu thuẫn, chỉ có mẹ tôi và chị S xảy ra mâu thuẫn. Khoảng đầu năm 2018, chị S bỏ về nhà mẹ tại xóm L, xã N. Khi chị S sang bên nhà ngoại, tôi có sang đón nhưng chị S không về. Từ năm 2018 đến khoảng tháng 8 năm 2025, tôi đi chấp hành án phạt tù, trong khoảng thời gian này chúng tôi không liên lạc, chị S cũng không đi thăm tôi. Sau khi tôi chấp hành án xong trở về địa phương, tôi chỉ gọi điện hỏi thăm con mà không đến nhà

ngoại gặp và thăm vợ con vì tôi nghe mọi người nói vợ tôi ngoại tình, thậm chí dẫn cả người tình về nhà của tôi, tôi cảm thấy chán nản, vì vậy chị S yêu cầu ly hôn tôi đồng ý.

Về con chung: Tôi và chị Đặng Mùi S có một con chung tên là Triệu Ngọc L, sinh ngày 21-01-2015, hiện con đang sống cùng với mẹ ở bên nhà ngoại. Khi ly hôn, tôi đồng ý giao con cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tôi không đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng như chị S yêu cầu, vì tôi chỉ ở nhà trồng trọt, thỉnh thoảng có đi làm thuê nhưng thu nhập không ổn định nên tôi không nhất trí cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và chị Đặng Mùi S không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 07-7-2026, chị S có thay đổi yêu cầu, Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh Triệu Tòn Y cấp dưỡng cho con.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung, thay đổi hay rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về quan hệ vợ chồng chị Đặng Mùi S được ly hôn với anh Triệu Tòn Y; về con chung, giao con chung Triệu Ngọc L cho chị Đặng Mùi S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn. Nguyên đơn nhất trí với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, không có ý kiến gì bổ sung thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Cao Bằng có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, từ giai đoạn thụ lý, giai đoạn chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48, Điều 97, Điều 198 của Bộ luật Tố tụng dân sự về các nội dung:

+ Về thụ lý vụ án và phân công thẩm phán giải quyết: Sau khi nhận đơn khởi kiện, Tòa án đã cấp ngay giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện cho người khởi kiện, thông báo chuyển vụ việc sang hòa giải, phân công thẩm phán xem xét đơn khởi kiện, thụ lý vụ án và phân công thẩm phán giải quyết vụ án. Thông báo về việc thụ lý vụ án cho các đương sự, Viện kiểm sát. Trình tự, thủ tục thực hiện đúng theo quy định tại Điều 191, Điều 195, Điều 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan hệ tranh chấp: Chị Đặng Mùi S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cao Bằng giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung với anh Triệu Tòn Y.

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", do nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn cư trú tại xóm L, xã N, tỉnh Cao Bằng. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cao Bằng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về lập hồ sơ vụ án: Thực hiện đúng quy định tại Điều 198 và 204 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Xác định tư cách các đương sự trong vụ án: Chị Đặng Mùi S là người nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Triệu Tòn Y nên Tòa án xác định chị S là nguyên đơn, anh Y là bị đơn, là đúng tư cách theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về xác minh, thu thập chứng cứ: Toà án tiến hành các biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ: Lấy lời khai đương sự, người làm chứng. Thủ tục thực hiện đúng quy định tại Điều 97, 98, 99 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tổ chức phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thực hiện đúng theo quy định tại Điều 207, 208 - 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 11-5-2026 Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cao Bằng thụ lý vụ án. Ngày 21-7-2026 Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ấn định ngày xét xử ngày 10-8-2026. Về thủ tục, thời hạn thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng: Tòa án đã giao thông báo thụ lý, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 196, khoản 2 Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự như: Các thông báo, các quyết định, giấy triệu tập cho đương sự đúng theo quy định tại các Điều 170, 171, 175, 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc chấp hành nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Điều 63 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng; Đảm bảo đúng các nguyên tắc theo quy định tại Điều 12, Điều 15, Điều 16 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thủ tục tại phiên tòa thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng, nghị án và tuyên án. Thư ký Tòa án đã thực hiện các quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc lấy lời khai của người tham gia tố tụng, chuẩn bị

trước khi khai mạc phiên tòa, phổ biến nội quy phiên tòa, kiểm tra, báo cáo với Hội đồng xét xử danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa, ghi biên bản phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Đặng Mùi S đã cơ bản thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, chưa thực hiện việc sao nộp tài liệu, chứng cứ cho bị đơn. Bị đơn anh Triệu Tòn Y thực hiện cơ bản các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Đặng Mùi S ly hôn với anh Triệu Tòn Y; Về con chung: Nguyên đơn trực tiếp nuôi con chung là cháu Triệu Ngọc L và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng; Về án phí: Nguyên đơn được miễn nộp tiền án phí (Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số có địa chỉ thường trú tại thôn đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí).

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản sao Trích lục kết hôn giữa hai đương sự, giấy khai sinh con chung Triệu Ngọc Lan; bản tự khai của nguyên đơn, biên bản lấy lời khai của bị đơn; biên bản lấy lời khai của người làm chứng; các quyết định về tố tụng; biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; các biên bản tống đạt văn bản.

Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các bên đương sự đã thống nhất: Sự kiện pháp lý giữa hai đương sự là có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cao Bằng; các đương sự có 01 (một) con chung là Triệu Ngọc L (sinh ngày 21-01-2015); chị S và anh Y đều xác nhận A, C đã sống ly thân từ năm 2017, 2018 cho đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng

Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cao Bằng.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung

Ngày 07-4-2026, nguyên đơn chị Đặng Mùi S làm Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Do vậy, cần áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đang có hiệu lực để giải quyết vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị đơn Triệu Tòn Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên bị đơn đã có Đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn Triệu Tòn Y.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

Chị Đặng Mùi S và anh Triệu Tòn Y có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cao Bằng đây là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã xác định được vợ chồng chị S và anh Y đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Hai vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Chị S khẳng định tình cảm với chồng đã hết và kiên quyết ly hôn. Bị đơn cũng thừa nhận không còn tình cảm, đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

Ngoài ra, những người làm chứng đều xác nhận chị S và anh Y chung sống không hạnh phúc, không tôn trọng lẫn nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Từ những căn cứ nêu trên, đủ cơ sở để kết luận tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh Y không còn yêu thương, quan tâm nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[5] Về con chung

Con chung của chị Đặng Mùi S và anh Triệu Tòn Y là Triệu Ngọc L (sinh ngày 21-01-2015). Theo đơn khởi kiện chị S yêu cầu sau khi ly hôn Chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Triệu Ngọc L, yêu cầu anh Triệu Tòn Y cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị S thay đổi nội dung yêu cầu, chỉ yêu cầu được trực tiếp nuôi con Triệu Ngọc L, tự nguyện không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi con chung là cháu Triệu Ngọc L và được bị đơn nhất trí, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cháu Triệu Ngọc L từ lúc còn nhỏ cho đến nay chủ yếu được Mẹ chăm sóc. Hiện tại, cháu L đang học tập và sinh sống cùng với M1 ở bên nhà ngoại; mặt khác gia đình nhà ngoại cũng tạo điều kiện, giúp đỡ về chỗ ở ổn định cho mẹ con chị S. Tòa xét thấy, để bảo đảm cho sự phát triển tâm, sinh lý và quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và phù hợp với tâm tư nguyện vọng của con là mong muốn được chung sống với Mẹ. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Triệu Ngọc L cho chị Đặng Mùi S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung, nguyên đơn Đặng Mùi S có sự thay đổi không yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, xét thấy sự thay đổi yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện và không làm thay đổi phạm vi yêu cầu khởi kiện nên cần được chấp nhận và không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của bị đơn Triệu Tòn Y.

[6] Về tài sản chung, nợ chung

Về tài sản chung, nợ chung các đương sự đều xác nhận không có tài sản chung, nợ chung cùng tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết phù hợp với quy định của pháp luật dân sự, Tòa ghi nhận.

[7] Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm (do nguyên đơn thuộc hộ cận nghèo và đã có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 203, 227, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 6, khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Mùi S. Chị Đặng Mùi S được ly hôn với bị đơn anh Triệu Tòn Y.

2. Về con chung

Giao con chung Triệu Ngọc L (sinh ngày 21-01-2015) cho chị Đặng Mùi S được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Triệu Tòn Y không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Xác nhận, hiện tại con chung Triệu Ngọc L đang ở với chị Đặng Mùi S.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí

Nguyên đơn Đặng Mùi S được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 36 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Tĩnh Túc, tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 4 - Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Thị Hồng Vân